

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2025/HS-ST
Ngày 18 - 11 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Phương

Bà Nguyễn Thị Lê Thanh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 31/2025/TLST - HS ngày 01 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/TLST - HS ngày 15 tháng 10 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2025/HSST - QĐ ngày 30 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn T**, sinh năm 1993 tại: xã Q, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn G, xã Q, tỉnh Thanh Hóa; Căn cước công dân số: 038093038911; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân Thiện và bà Hoàng Thị H1; có vợ là Vũ Thị H2 và có 2 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; (có mặt).

- **Bị hại:** Ông Hoàng Duy T1, sinh năm 1948 (đã chết)

Người đại diện hợp pháp của ông Hoàng Duy T1: Anh Hoàng Văn H3, sinh năm 1975 (là con đẻ)

Địa chỉ: Số nhà 11/65 T2, phường H4, tỉnh Thanh Hóa.

- **Người làm chứng:**

+ Ông Hoàng Duy S, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn G, xã Q, tỉnh Thanh Hóa.

+ Anh Lê Văn H1, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn 6, xã Q1, tỉnh Thanh Hóa.

(Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại và những người làm chứng đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dự án đường giao thông từ cầu Thắng Phú (xã Q, tỉnh Thanh Hóa) đi Quốc lộ 1A (xã B, huyện X nay là xã B, tỉnh Thanh Hóa) đang thực hiện đến đoạn tại thôn G, xã Q, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình thực hiện dự án, nhà thầu dự án thuê một số đơn vị để chở bùn đất thải (đất nạo vét khi làm đường) từ công trình chở đến bãi tập kết, trong đó có Lê Văn T.

Khoảng 7h30' ngày 14/3/2025, Lê Văn T điều khiển xe ô tô tải BKS 17C-097.49 của mình đến công trường để chở đất thải. Khi đến đầu đường Ngọc Trường, do khu vực đường đang thi công không có điểm quay đầu xe nên T điều khiển xe ô tô đi lùi từ phía Đông đường số 02 nằm trong phạm vi khu công trường đang thi công về phía Tây để đến vị trí đang mức bùn đất thải. Cùng lúc này, ông Hoàng Duy T1 (sinh năm 1948 ở thôn G, xã Q, tỉnh Thanh Hóa) đi bộ từ khu dân cư phía Tây công trường trên đường số 2 vào trong khu vực công trường đang thi công rồi đứng quay mặt về phía Nam để xem máy xúc xúc đất. Quá trình lùi xe được khoảng 200m đến vị trí máy xúc, T chỉ nhìn qua 2 bên gương chiếu hậu để quan sát 2 bên thành xe, nhưng không xuống xe để quan sát phía sau xe mà tự tin lùi xe nên làm phần sau xe ô tô do T điều khiển đã đâm va vào người ông T1 làm ông T1 ngã xuống đường. Do không phát hiện được đã đâm va vào ông T1 nên T tiếp tục lùi xe khoảng 02m thì mới quan sát thấy ông T1 bị ngã nằm trên đường, phía trước đầu xe ô tô. Ngay khi phát hiện sự việc, T tắt máy xuống xe rồi cùng một số công nhân đang thi công đưa ông T1 đi cấp cứu. Tuy nhiên, do bị thương tích nặng nên khi đến Trạm y tế Q thì ông Hoàng Duy T1 chết.

*** Kết quả khám nghiệm hiện trường:**

Hiện trường nơi xảy ra vụ tai nạn được xác định tại đường bê tông số 02 là đường liên thôn, thuộc thôn G, xã Q, tỉnh Thanh Hóa. Đoạn đường xảy ra vụ tai nạn có hướng từ Tây sang Đông (từ thôn U đi thôn G, xã Q) là đoạn đường thẳng, được đổ bê tông tương đối bằng phẳng, độ rộng lòng đường là 4,52m, không có vạch kẻ đường, không có hệ thống đèn đường. Tại đầu phía Tây đường (hướng đi thôn U) có đặt 02 biển cảnh báo gồm: 01 biển cảnh báo “Công trường đang thi công 4km đi chậm quan sát đề phòng tai nạn” kích thước (120x80)cm và 01 biển cảnh báo “đi chậm” kích thước (120x70)cm. Hai bên đường không có lề đường, phía Nam hiện trường đang thi công “Dự án đường giao thông từ cầu P (xã Q) đi Quốc lộ 1A, xã B, tỉnh Thanh Hóa” nằm thấp hơn so với đường bê tông 85cm. Tại mép đường bê tông phía Nam tiếp giáp với công trình thi công có chằng dây cảnh báo ngăn cách đường bê tông số 02 với phạm vi thi công công trình; Phía Bắc đường bê tông số 02 tiếp giáp với kênh dẫn nước rộng 4,8m. Ghi nhận vị trí các dấu vết, kết quả như sau:

Vị trí số (1): Xe ô tô BKS: 36C-097.49 đỗ trên mặt đường bê tông, đầu xe hướng Đông, đuôi xe hướng Tây. Tâm trục bánh sau bên phải cách điểm mốc A là 57,59m và cách mép chuẩn B là 1,62m.

- Vị trí số (2): Vết tỳ trượt, trên mặt đường bê tông, kích thước (24x8)cm, vết có chiều từ Đông sang Tây, điểm đầu vết cách đầu trục bánh trước bên phải xe ô tô BKS: 36C-097.49 là 1,3m và cách mép chuẩn B là 2,2m, điểm cuối vết cách mép chuẩn B là 2,2m.

- Vị trí số (3): Vết hằn lốp trên mặt đường bê tông kích thước (260x23)cm, vết có chiều từ Đông sang Tây, điểm đầu vết cách vị trí tiếp xúc giữa mặt lăn bánh trước bên phải xe ô tô BKS: 36C-097.49 là 2,6m và cách mép chuẩn B là 1,6m, điểm cuối vết cách mép chuẩn B là 1,62m và trùng với vị trí tiếp xúc giữa mặt lăn lốp trước bên phải xe ô tô BKS: 36C-097.49 và mặt đường bê tông.

* Kết quả xác định vị trí hiện trường:

Tại các biên bản làm việc ngày 08/6/2025 giữa đại diện Ban quản lý dự án huyện X, đại diện đơn vị thi công, đại diện đơn vị giám sát công trình thể hiện:

Vụ tai nạn xảy ra trên đường bê tông số 02, thuộc thôn G, xã Q, huyện X, nơi xảy ra tai nạn có lòng đường rộng 4,52m, phía Bắc giáp kênh nước, phía Nam giáp khu vực công trường đang thi công "Dự án đường giao thông từ cầu P (xã Q) đi Quốc lộ 1A, xã B, huyện X". Căn cứ hồ sơ thiết kế, thi công "Dự án đường giao thông từ cầu P (xã Q) đi Quốc lộ 1A, xã B, huyện X" đã được Ban quản lý dự án huyện X phê duyệt thực hiện xác định: Vị trí xảy ra tai nạn trên đường bê tông số 02 cách điểm góc phía Đông Bắc kênh dẫn nước giao với mép trái đường bê tông số 02 khoảng cách là 57,59m. Tương ứng vị trí phạm vi từ cọc 15A đến cọc 16 công trình "Dự án đường giao thông từ cầu P (xã Q) đi Quốc lộ 1A, xã B, huyện X". Tại phạm vi từ cọc 15A đến cọc 16 thì phần đường số 02 còn lại tại cọc số 15A là 2,84m và tại cọc số 16 là 3,35m. Do đó xác định, vị trí đoạn đường nơi xảy ra vụ tai nạn có một phần chiều rộng mặt đường thuộc phạm vi mặt bằng thi công "Dự án đường giao thông từ cầu P (xã Q) đi Quốc lộ 1A, xã B, huyện X". Đồng thời tại thời điểm xảy ra vụ việc, đường số 02 đoạn thuộc thôn G, xã Q, huyện X đang được Công ty Cổ phần xây dựng Đ chẳng dây, đặt biển cảnh báo để thông báo cho các phương tiện giao thông khác không đi tham gia giao thông trên đoạn đường này để phục vụ việc thi công công trình.

* Kết quả giám định phương tiện:

Tại bản Kết luận giám định số 1241/KL-KTHS ngày 03/4/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá, kết luận:

- Các dấu vết ghi nhận tại mặt sau, ngoài phần dưới nắp thùng (cách thành xe bên phải 80cm), mặt sau bên phải cản sau, mặt sau dưới bầu cầu sau xe ô tô BKS: 17C-097.49 phù hợp va chạm với thân thể và quần áo của ông Hoàng Duy T1 mặc khi xảy ra tai nạn tạo nên. Vị trí va chạm giữa xe ô tô BKS: 17C-097.49 với nạn nhân nằm tương ứng trước vị trí vết tỳ trượt mặt đường bê tông số 02 được thể hiện trong biên bản khám nghiệm và sơ đồ hiện trường. Tại thời điểm

va chạm, xe ô tô BKS: 17C-097.49 chuyển động theo hướng từ thôn G đi thôn U. Không đủ cơ sở để xác định chiều hướng chuyển động của ông Hoàng Duy T1.

* Kết quả giám định tử thi: Tại bản Kết luận giám định tử thi số 1199/KLGĐTT-PC09 ngày 31/3/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá, kết luận: Ông Hoàng Duy T1 chết do chấn thương ngực kín.

* Kết quả giám định nồng độ cồn, ma túy:

- Tại bản Kết luận giám định số 1128/KL-KTHS ngày 24/3/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá, kết luận: Mẫu máu của Lê Văn T và ông Hoàng Duy T1 gửi giám định không có cồn.

Tại bản Kết luận giám định số 1166/KL-KTHS ngày 27/3/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá, kết luận: Không tìm thấy chất ma túy, loại MDA, MDMA, Ketamine, Amphetamine, Methamphetamine trong mẫu máu của Lê Văn T gửi giám định.

Theo báo cáo của đại diện gia đình bị hại ông Hoàng Duy T1: Quá trình xác minh, giải quyết vụ án Lê Văn T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình ông Hoàng Duy T1 số tiền 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng). Gia đình bị hại đã nhận đủ số tiền bồi thường, từ chối kê khai chi phí mai táng, không khai báo thiệt hại tổn hại về tinh thần, không có yêu cầu đề nghị gì T1m về dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho Lê Văn T.

Xe ô tô BKS 17C-097.49 mà Lê Văn T điều khiển gây tai nạn, quá trình điều tra xác định xe ô tô BKS 17C-097.49 đăng ký mang tên anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1991 ở thôn D, xã D1, tỉnh Hưng Yên (trước đây là thôn D, xã S, huyện P1, tỉnh Thái Bình). Năm 2020, anh Th đã bán xe ô tô cho khách làm nghề buôn bán xe ô tô, khi bán xe anh Th với khách mua không làm hợp đồng mua, bán xe. Ngày 25/02/2025, chiếc xe ô tô trên được anh Lê Văn T mua lại từ người trung gian, làm nghề buôn bán xe với giá 300.000.000đ nhưng không lập hợp đồng mua, bán xe. Tại thời điểm xảy ra vụ án, T chưa làm thủ tục đổi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe đối với xe ô tô BKS: 17C-097.49. Tiến hành tra cứu thông tin xe ô tô trên hệ thống cơ sở dữ liệu truy nã, truy tìm, xác định xe ô tô trên không thuộc vật chứng hoặc đồ vật, tài sản liên quan trong vụ án, vụ việc khác. Do đó Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý đồ vật, trả lại chiếc xe ô tô trên cho T.

Tại bản Cáo trạng số 24/CT-VKSKV2 ngày 24/9/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thanh hóa đã truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “Vô ý làm chết người”, quy định tại khoản 1 Điều 128 Bộ luật Hình sự (viết tắt là BLHS).

* Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát luận tội giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 128, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 21 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 42 tháng; về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại số tiền là 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng). Gia

định bị hại đã nhận đủ tiền bồi thường, không có yêu cầu gì thêm về dân sự nên không xem xét; về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận gì với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh và mức hình phạt. Lời nói sau cùng bị cáo ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (Viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là đúng quy định.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, Biên bản khám nghiệm hiện trường, các dấu vết trên phương tiện, các Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đủ căn cứ chứng minh: Khoảng 7 giờ 30 phút ngày 14/3/2025, tại khu vực đường liên thôn số 2, đoạn thuộc thôn G, xã Q, tỉnh Thanh Hóa thuộc phạm vi mặt bằng thi công của “Dự án đường giao thông từ cầu P (xã Q) đi Quốc lộ 1A, xã B, huyện X”, đang được đơn vị thi công chằng dây, đặt biển cảnh báo ngăn cách người và các phương tiện khác không có phận sự đi trên đường số 2 vào khu vực công trường, Lê Văn T đã điều khiển xe ô tô BKS 17C-097.49 vào khu vực công trường để chở bùn đất thải đi đổ theo hợp đồng đã giao kết với đơn vị thi công. Trong quá trình T lùi xe để vào chỗ đất trong khu vực công trường, T chỉ quan sát 2 bên thành xe qua gương nhưng đã tự tin điều khiển xe ô tô đi lùi mà không quan sát phía sau, không đảm bảo an toàn dẫn đến đâm va với ông Hoàng Duy T1 đang đứng phía sau, gây tai nạn làm ông T1 tử vong. Đủ cơ sở để Hội đồng xét xử khẳng định hành vi của bị cáo Lê Văn T đã cấu thành tội “Vô ý làm chết người” theo khoản 1 Điều 128 BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Đây là vụ án thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là vô ý do quá tự tin, không kiểm tra, không thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn khi điều khiển lùi xe ô tô trong công trường thi công, gây tai nạn làm chết 1 người là hành vi nguy hiểm cho xã hội, gây thiệt hại về tính mạng của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt nghiêm minh để cải tạo bị cáo thành người công

dân có ích cho gia đình và xã hội đồng thời rắn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Đánh giá về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại”; “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”; người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị hại cũng có lỗi do không có phận sự nhưng đi vào công trường đang thi công nên khi quyết định hình phạt cần áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

[5] Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội với lỗi vô ý do chủ quan, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo, dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội đồng thời rắn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường về dân sự, giữa bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại đã thỏa thuận bồi thường cho gia đình bị hại với số tiền 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng) theo Biên bản thỏa thuận bồi thường thiệt hại do tai nạn giao thông đề ngày 25/3/2025. Người đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận đủ số tiền và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 128 BLHS:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội "Vô ý làm chết người".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 128; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 BLHS:

Xử phạt: Lê Văn T 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

* Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 2 - Thanh Hóa;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Trịnh Thị Hà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 2 - Thanh Hóa;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Hà

